

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động:

Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng: 76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.

4. Các hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng,...

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 được trình bày từ trang 05 đến trang 34.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.



ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số: 178 /BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC và HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC tại ngày 30/6/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



HỒ ĐẮC HIẾU

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Lê Đình Huyền".

LÊ ĐÌNH HUYÊN

Số Giấy CN ĐKIIN kiểm toán: 1756-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.826.893.695.355	1.791.611.490.949
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	55.381.782.742	40.836.080.694
1. Tiền	111		40.036.695.554	25.836.080.694
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.345.087.188	15.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		740.953.262.841	617.811.632.171
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.10.1	7.914.222.548	7.561.430.622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.10.1	(4.260.959.707)	(4.850.881.784)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10.2	737.300.000.000	615.101.083.333
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		773.656.707.391	957.700.092.170
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	540.443.987.355	464.212.195.272
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	42.124.783.109	3.215.925.902
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	199.376.683.717	493.068.258.806
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(8.288.746.790)	(2.796.287.810)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.07	213.201.592.808	124.938.121.470
1. Hàng tồn kho	141		223.574.112.061	124.938.121.470
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.372.519.253)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		43.700.349.573	50.325.564.444
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.667.955.934	26.781.760.065
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	28.032.393.639	23.543.804.379
B. Tài sản dài hạn	200		554.453.047.703	525.644.660.700
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		4.413.395.774	4.451.630.239
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	21.255.604.225	22.444.662.693
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		72.593.264	72.593.264
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	3.543.859.275	3.582.093.740
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(20.458.660.990)	(21.647.719.458)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		95.510.012.113	100.360.163.139
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	37.850.556.200	40.178.063.406
- Nguyên giá	222		73.851.528.029	73.851.528.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.000.971.829)	(33.673.464.623)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	21.484.545.359	23.916.758.041
- Nguyên giá	225		38.915.402.909	38.915.402.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.430.857.550)	(14.998.644.868)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	36.174.910.554	36.265.341.692
- Nguyên giá	228		37.028.979.341	37.028.979.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(854.068.787)	(763.637.649)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		446.967.410.848	414.095.356.652
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10.3	478.209.477.868	411.760.680.008
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10.3	57.574.500.000	57.574.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10.3	65.379.159.043	76.970.767.544
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.10.3	(154.195.726.063)	(149.210.590.900)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10.2	-	17.000.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		7.562.228.968	6.737.510.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.757.502.127	1.787.629.404
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	5.804.726.841	4.949.881.266
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.381.346.743.057	2.317.256.151.648



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
C. Nợ phải trả	300		1.807.630.055.657	1.764.221.989.012
I. Nợ ngắn hạn	310		1.775.330.370.876	1.732.192.931.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	486.100.088.301	619.187.674.719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.759.215.072	16.538.910.261
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	2.628.001.944	2.019.987.481
4. Phải trả người lao động	314		930.000.000	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	8.182.503.761	4.338.349.648
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		47.742.568.936	3.225.360.840
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	66.258.510.167	78.562.670.437
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1.154.729.952.759	1.008.751.103.051
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(2.000.470.064)	(431.125.224)
II. Nợ dài hạn	330		32.299.684.781	32.029.057.799
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	32.299.684.781	32.029.057.799
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	573.716.687.401	553.034.162.636
I. Vốn chủ sở hữu	410		573.716.687.401	553.034.162.636
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Cổ phiếu quỹ	415		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		90.377.888.372	90.377.888.372
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.765.911.669	14.083.386.904
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.083.386.904	(3.441.076.833)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.682.524.765	17.524.463.737
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.381.346.743.057	2.317.256.151.648

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thanh Hào
Người lập biểu




Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		2.966.059.363.331	3.708.122.617.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	507.120.239
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	2.966.059.363.331	3.707.615.497.708
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.905.321.074.968	3.629.774.076.989
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.738.288.363	77.841.420.719
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	48.472.797.980	37.239.044.629
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	33.110.248.736	135.733.390.958
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.580.852.597	34.942.223.478
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	36.742.100.524	38.486.026.139
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	18.746.537.339	24.260.724.767
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/(lỗ)	30		20.612.199.744	(83.399.676.516)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	4.261.819.673	19.479.671.565
12. Chi phí khác	32	VI.08	2.605.998.098	2.608.111.065
13. Lợi nhuận khác	40		1.655.821.575	16.871.560.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/(lỗ)	50		22.268.021.319	(66.528.116.016)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.438.833.227	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(854.845.575)	(16.261.802.591)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/(lỗ)	60		20.684.033.667	(50.266.313.425)

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thanh Hào
Người lập biểu




Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.268.021.319	(66.528.116.016)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.850.151.026	34.313.811.062
Các khoản dự phòng	03	19.071.132.851	99.810.098.273
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(618.002.963)	1.863.085.497
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(43.853.486.463)	(53.143.377.865)
Chi phí lãi vay	06	27.580.852.597	38.474.091.142
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.298.668.367	54.789.592.093
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	182.951.451.156	(178.677.758.139)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(98.635.990.591)	(26.926.535.324)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(104.083.497.642)	277.728.889.291
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	30.127.277	30.127.277
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(352.791.926)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.915.090.611)	(38.449.197.165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.762.889.729)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.470.013.700)	88.495.118.033
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.448.797.860)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(647.200.000.000)	(45.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	542.001.083.333	221.352.079.167
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(51.000.000.000)	(25.972.851.600)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.107.916.926	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.788.727.186	31.770.326.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(112.751.070.415)	182.149.554.042
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	2.647.857.018.152	3.405.833.300.380
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.496.590.840.468)	(3.598.425.616.247)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.182.380.980)	(2.746.769.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	148.083.796.704	(195.339.085.579)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	14.862.712.589	75.305.586.496
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.836.080.694	308.224.087.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(317.010.541)	(46.644.084)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	55.381.782.742	383.483.029.531

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thanh Hòa
Người lập biểu

Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 Cổ phần, mệnh giá mỗi Cổ phần là 10.000 đồng, tất cả Cổ phần của Công ty là Cổ phần phổ thông.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 2.5, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng: 76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2016: người.

6. Danh sách công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Danh sách công ty con và công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	82,11%	82,11%
Công ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO	Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75,00%	75,00%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đã giải thể	35,00%	35,00%
Công ty TNHH SMC TOAMI	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	25,00%	25,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm và các khoản phải thu được trích lập dự phòng 100% được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	42 năm
Phần mềm	02 - 20 năm

Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị	08 năm
------------------	--------

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPC.om) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; -
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán và dịch vụ cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,.....

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

17. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2016	01/01/2016
Tiền mặt	6.635.741.685	2.531.485.816
Tiền gửi ngân hàng	(1.1) 33.400.953.869	23.304.594.878
Các khoản tương đương tiền	(1.2) 15.345.087.188	15.000.000.000
Cộng	55.381.782.742	40.836.080.694

(1.1) Trong đó, bao gồm tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 204,291.63 USD tương đương 4.550.602.739 đồng.

(1.2) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng, lãi suất 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/6/2016	01/01/2016
2. Phải thu của khách hàng		
a) Ngắn hạn		
- Seasons Avenue	34.002.295.140	23.111.421.267
- Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	1.941.853.386	23.590.564.360
- Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	63.217.991.683	35.497.642.910
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	2.376.334.125	19.894.867.058
- Công ty Cổ phần BÊTÔNG 6	16.859.348.144	14.742.701.699
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xuất Nhập khẩu Đức Khánh	13.252.761.485	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Ho Team	10.757.837.893	-
- Công ty Cổ phần Thép Trường Sơn	27.293.956.250	-
- HQ CO.,LTD (654,171.46 USD)	-	14.686.149.277
- SAMPEOU MEAS IMPORT EXPORT & TRANSPORTATION CO., LTD (604,626.05 USD)	-	13.573.854.823
- Metalworld Trading Pte Ltd (4,623,239.42 USD)	102.982.658.080	67.777.494.696
- Phải thu các bên liên quan (thuyết minh c)	163.189.732.561	127.531.948.521
- Các khách hàng khác	104.569.218.608	123.805.550.661
Cộng	(*) 540.443.987.355	464.212.195.272
b) Dài hạn		
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại SPC	6.367.855.501	6.367.855.501
- Công ty TNHH Xuân Giang	2.838.399.843	2.838.399.843
- Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	3.563.518.010	3.563.518.010
- Công ty TNHH Thép Phú Vinh	2.088.152.734	2.088.152.734
- Các khách hàng khác	6.397.678.137	7.586.736.605
Cộng	21.255.604.225	22.444.662.693
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	-	77.979.520.452
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	94.045.152.584	13.211.155.441
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	-	9.131.079.478
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	1.882.494.222	10.175.292.425
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	5.190.892.850	14.020.250.112
- Công ty TNHH SMC TOAMI	5.751.207.198	2.854.376.542
- Công ty TNHH Liên doanh Ông Thép SENDO	56.319.985.707	160.274.071
Cộng	163.189.732.561	127.531.948.521
(*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng bằng ngoại tệ là 5,152,806.10 USD tương đương 114.745.278.981 đồng.		
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Thép Miền nam - VNSTEEL	4.225.891.591	30.830.025
- ZHEJIANG MATERIALS INDUSTRY INTERNATIONAL CO.,LTD	34.182.816.266	-
- Các nhà cung cấp khác	3.716.075.252	3.185.095.877
Cộng	42.124.783.109	3.215.925.902
(*) Trong đó, bao gồm khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ là 1,622,431.22 USD tương đương 36.165.977.782 đồng.		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu khác	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ, lãi cho vay	14.048.585.741	-	17.500.134.889	-
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)	172.865.026.775	-	460.383.093.290	-
- Phải thu liên quan đến chiết khấu thương mại được hưởng	4.746.859.600	-	6.178.003.114	-
- Các khoản tạm ứng	4.664.200.000	-	4.728.200.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	2.855.857.245	-	4.072.553.630	-
- Phải thu khác	196.154.356	-	206.273.883	-
Cộng	199.376.683.717	-	493.068.258.806	-

(*) Trong đó, bao gồm khoản ký quỹ mở L/C bằng ngoại tệ là 33,017.40 USD tương đương 735.462.585 đồng.

b) Dài hạn				
- Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam cho hợp đồng thuê tài chính (144,281.00 USD)	3.213.859.275	-	3.252.093.740	-
- Khoản ký quỹ thuê xe	330.000.000	-	330.000.000	-
Cộng	3.543.859.275	-	3.582.093.740	-

5. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23.815.366.083	21.083.432.937	14.543.916.296	14.408.812.713	73.851.528.029
Tăng do mua sắm	-	15.448.797.860	-	-	15.448.797.860
Giảm do góp vốn	-	15.448.797.860	-	-	15.448.797.860
Số dư cuối kỳ	23.815.366.083	21.083.432.937	14.543.916.296	14.408.812.713	73.851.528.029
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.670.315.327	3.670.682.631	10.063.789.252	13.268.677.413	33.673.464.623
Khấu hao trong kỳ	418.175.958	870.687.631	907.969.192	130.674.426	2.327.507.206
Giảm do góp vốn	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.088.491.285	4.541.370.262	10.971.758.444	13.399.351.839	36.000.971.829
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	17.145.050.756	17.412.750.306	4.480.127.044	1.140.135.300	40.178.063.406
Tại ngày cuối kỳ	16.726.874.798	16.542.062.675	3.572.157.852	1.009.460.874	37.850.556.200

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.258.003.451 đồng.

Tại ngày 30/6/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 29.683.258.401 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nợ xấu	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm				5.100.000.000	200.000.000	- Công ty TNHH MTV TM Thủy Thành Phát
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm	4.500.000.000		- Công ty TNHH MTV TM Thủy Thành Phát			
	6.367.855.501	869.536.500	- Công ty TNHH ĐT TM SPC	6.367.855.501	869.536.500	- Công ty TNHH ĐT TM SPC
	2.838.399.843		- Công ty TNHH Xuân Giang	2.838.399.843		- Công ty TNHH Xuân Giang
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	3.563.518.010		- Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	3.563.518.010		- Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn
	2.088.152.734		- Công ty TNHH Thép Phú Vinh	2.088.152.734		- Công ty TNHH Thép Phú Vinh
	6.397.678.137		- Các đối tượng khác	7.586.736.605		- Các đối tượng khác
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	72.593.264		- Các đối tượng khác	72.593.264		- Các đối tượng khác
- Khoản phải thu khác (dự phòng 100%)	4.841.709.230		- Công ty TNHH XD Number One			
	594.075.121	297.037.561	- YI Chakriya Supplies Construction Material Co., Ltd	692.575.621	346.287.810	- YI Chakriya Supplies Construction Material Co., Ltd
Cộng	31.263.981.840	1.166.574.061		28.309.831.578	1.415.824.310	

Biến động dự phòng phải thu khó đòi:

- Số dư đầu năm	Thời kỳ này (24.444.007.267)
- Trích lập dự phòng	(5.741.709.230)
- Hoàn nhập dự phòng (do thu hồi)	1.438.308.717
- Số dư cuối kỳ	(28.747.407.780)

7. Hàng tồn kho	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	10.097.609.148	-	-	-
- Hàng hóa	213.476.502.913	(10.372.519.253)	124.938.121.470	-
Cộng	223.574.112.061	(10.372.519.253)	124.938.121.470	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	Thời kỳ này
- Số dư đầu năm	-
- Trích lập dự phòng	(10.372.519.253)
- Hoàn nhập dự phòng	-
- Số dư cuối kỳ	(10.372.519.253)

8. Tài sản cố định thuê tài chính (máy móc thiết bị)

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
Nguyên giá	38.915.402.909	-	-	38.915.402.909
Giá trị hao mòn lũy kế	14.998.644.868	2.432.212.682	-	17.430.857.550
Giá trị còn lại	23.916.758.041			21.484.545.359

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.607.900.000	3.421.079.341	37.028.979.341
Số dư cuối kỳ	33.607.900.000	3.421.079.341	37.028.979.341
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	763.637.649	763.637.649
Tăng	-	90.431.138	90.431.138
Số dư cuối kỳ	-	854.068.787	854.068.787
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	33.607.900.000	2.657.441.692	36.265.341.692
Tại ngày cuối kỳ	33.607.900.000	2.567.010.554	36.174.910.554

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chứng khoán	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
10.1 kinh doanh	7.914.222.548	3.653.262.841	(4.260.959.707)	7.561.430.622	2.710.548.838	(4.850.881.784)
Bao gồm:	Số lượng cp	Đơn giá tiền	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng	Giá trị thuần	
Chứng khoán đã niêm yết						
Công ty CP Thép Pomina	170.670	22.225	3.793.189.154	(2.221.768.154)	1.571.421.000	
(*) Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	30.000	11.532	345.965.130	(42.965.130)	303.000.000	
Công ty CP Chiếu Xạ An Phú	10.000	16.668	166.676.364	-	166.676.364	
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM						
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55.000	33.273	1.830.000.000	(1.720.000.000)	110.000.000	
Chứng khoán chưa niêm yết						
(*) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	21.300	632.908.200	(180.307.523)	452.600.677	
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	10.357	725.000.000	-	725.000.000	
(*) Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	37.543	420.483.700	(95.918.900)	324.564.800	
Cộng			7.914.222.548	(4.260.959.707)	3.653.262.841	

(*) Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 49.583.200 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a) Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (lãi suất 6,2% - 10,25%/năm)

30/6/2016		01/01/2016	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
737.300.000.000	737.300.000.000	615.101.083.333	615.101.083.333

b) Dài hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng

-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
---	---	----------------	----------------

10.3 Đầu tư góp vốn

	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) - Đầu tư vào công ty con	478.209.477.868	366.367.195.848	(111.842.282.020)	411.760.680.008	306.910.311.652	(104.850.368.356)
b) - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	57.574.500.000	57.574.500.000	-	57.574.500.000	57.574.500.000	-
c) - Đầu tư vào đơn vị khác	65.379.159.043	23.025.715.000	(42.353.444.043)	76.970.767.544	32.610.545.000	(44.360.222.544)
Cộng	601.163.136.911	446.967.410.848	(154.195.726.063)	546.305.947.552	397.095.356.652	(149.210.590.900)

a) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 30/6/2016
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100%	100%	100.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	100%	100%	80.000.000.000
- Công ty TNHH Thép SMC	100%	100%	60.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	100%	100%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	100%	100%	30.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	100%	100%	20.000.000.000
- Công ty CP SMC Hà Nội	82%	82%	26.346.000.000
- Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo	75%	75%	131.863.477.868
Cộng			478.209.477.868

(*) Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được lợi nhuận năm 2015 chuyển về từ các công ty này bằng tiền là 13.675.267.222 đồng.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 30/6/2016
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	50%	50%	41.640.000.000
- Công ty TNHH SMC Toami	25%	25%	15.934.500.000
Cộng			57.574.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c) Đầu tư vào các đơn vị khác

Chứng khoán đã niêm yết	Số lượng	Mệnh giá	Đơn giá	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng
	Cổ phần		mua		
- Công ty CP Thép Pomina	1.200.000	10.000	23.417	28.099.960.344	(16.939.960.344)
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM					
(*) - Công ty CP Thép Biên Hòa	448.470	10.000	25.407	11.394.210.744	(7.133.745.744)
- Công ty CP Thép Nhà Bè	106.500	10.000	16.760	1.784.987.955	(879.737.955)
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.000.000	10.000	10.100	10.100.000.000	(3.400.000.000)
Chứng khoán chưa niêm yết					
- Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	10.000	10.000	14.000.000.000	(14.000.000.000)
Cộng				65.379.159.043	(42.353.444.043)

(*) Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 680.505.000 đồng.

d) Dự phòng	Giá trị đầu tư	Trích lập dự	Giá trị thuần
		phòng	
Đầu tư vào công ty con			
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	30.000.000.000	(3.131.194.253)	26.868.805.747
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	20.000.000.000	(8.711.087.767)	11.288.912.233
Đầu tư dài hạn khác			
- Công ty CP Thép Pomina	28.099.960.344	(16.939.960.344)	11.160.000.000
- Công ty CP Thép Biên Hòa	11.394.210.744	(7.133.745.744)	4.260.465.000
- Công ty CP Thép Nhà Bè	1.784.987.955	(879.737.955)	905.250.000
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	10.100.000.000	(3.400.000.000)	6.700.000.000
- Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Cộng	215.379.159.043	(154.195.726.063)	61.183.432.980

11. Chi phí trả trước dài hạn	30/6/2016	01/01/2016
- Chi phí thuê đất trả trước	(*) 1.757.502.127	1.787.629.404

(*) Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương đến tháng 11 năm 2046, có giá trị còn lại tại ngày 30/6/2016 là 1.757.502.127 đồng. Công ty đã đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn của lô đất này.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30/6/2016	01/01/2016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.749.481.556	4.888.801.454
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	55.245.285	61.079.812
Cộng	5.804.726.841	4.949.881.266

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Phải trả người bán	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	80.252.495.049	80.252.495.049	145.201.859.480	145.201.859.480
- Công ty TNHH Thép VINA KYOEI	131.701.405.497	131.701.405.497	235.691.308.607	235.691.308.607
- Công ty CP SX Thép Việt Đức	5.104.118.800	5.104.118.800	20.815.618.010	20.815.618.010
- Công ty TNHH Posco SS - Vina	33.663.526.460	33.663.526.460	14.115.826.307	14.115.826.307
- FUTURE MATERIALS INDUSTRY (HONGKONG) CO., LIMITED	24.784.098.417	24.784.098.417	16.241.482.807	16.241.482.807
- WIN FAITH TRADING LIMITED	59.607.949.236	59.607.949.236	78.059.080.932	78.059.080.932
- BRIGHT RUBY RESOURCES PTE LIMITED	31.477.726.620	31.477.726.620	44.374.769.156	44.374.769.156
- CHINA CHENGTONG INTERNATIONAL CO., LTD	32.652.935.751	32.652.935.751	-	-
- SINO COMMODITIES INTERNATIONAL PTE LTD	22.827.449.107	22.827.449.107	6.411.620.208	6.411.620.208
- Phải trả bên liên quan (b)	9.234.022.756	9.234.022.756	9.612.513.521	9.612.513.521
- Phải trả cho các nhà cung cấp khác	54.794.360.608	54.794.360.608	48.663.595.691	48.663.595.691
Cộng (*)	486.100.088.301	486.100.088.301	619.187.674.719	619.187.674.719

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 9,445,701.14 USD tương đương 211.064.191.972 đồng.

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty CP SMC Hà Nội	3.386.533.920	3.386.533.920	-	-
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	1.549.252.866	1.549.252.866	9.612.513.521	9.612.513.521
- Công ty TNHH SMC Summit	4.298.235.970	4.298.235.970	-	-
Cộng	9.234.022.756	9.234.022.756	9.612.513.521	9.612.513.521

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2016	Số phải nộp (hoàn) trong kỳ	Số đã thực nộp (nhận) trong kỳ	30/6/2016
	a) Phải nộp			
- Thuế nhập khẩu	-	5.257.891.913	5.257.891.913	-
- Thuế TNDN	1.762.886.730	2.438.833.227	1.762.889.729	2.438.830.228
- Thuế TNCN	257.100.751	224.449.963	292.378.998	189.171.716
- Thuế nhà thầu	-	202.093.468	202.093.468	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	26.004.268	26.004.268	-
Cộng	2.019.987.481	8.152.272.839	7.544.258.376	2.628.001.944
b) Phải thu				
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	(23.541.653.407)	(28.032.393.639)	(23.541.653.407)	(28.032.393.639)
- Thuế TNCN nộp dư (CN Đà Nẵng)	(2.150.972)	2.150.972	-	-
Cộng	(23.543.804.379)	(28.030.242.667)	(23.541.653.407)	(28.032.393.639)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Chi phí phải trả	30/6/2016	01/01/2016
- Lãi vay còn phải trả	1.018.872.517	1.353.110.531
- Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VND với lãi suất USD	-	1.917.861.854
- Chi phí thuê phụ phải trả liên quan đến hợp đồng thi công nhà xưởng cho Công ty SMC Toami	7.005.071.244	-
- Chi phí còn phải trả khác	158.560.000	1.067.377.263
Cộng	8.182.503.761	4.338.349.648

16. Phải trả ngắn hạn khác	30/6/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	98.795.135	225.645.795
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.2)	66.128.355.541	78.203.096.287
- Thù lao HĐQT và BKS còn phải trả	-	118.491.048
- Các khoản phải trả khác	31.359.491	15.437.307
Cộng	66.258.510.167	78.562.670.437

17. Vay và nợ thuê tài chính	01/01/2016		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
- Vietcom Bank	299.887.108.112	299.887.108.112	761.177.277.593	768.200.871.775	292.863.513.930	292.863.513.930
- Vietin Bank	691.188.229.579	691.188.229.579	1.874.161.955.443	1.723.709.968.843	841.640.216.179	841.640.216.179
- Vay cá nhân	5.350.000.000	5.350.000.000	1.010.000.000	2.655.000.000	3.705.000.000	3.705.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	12.325.765.360	12.325.765.360			16.521.222.650	16.521.222.650
Cộng	1.008.751.103.051	1.008.751.103.051	2.636.349.233.036	2.494.565.840.618	1.154.729.952.759	1.154.729.952.759
b) Dài hạn						
- Vay ngân hàng						
- SHIHAN (Việt Nam)	10.548.720.000	10.548.720.000	-	1.700.100.000	8.848.620.000	8.848.620.000
- VID Public	22.533.350.700	22.533.350.700	9.781.432.108	324.899.850	31.989.882.958	31.989.882.958
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(5.883.390.800)	(5.883.390.800)			(10.133.591.570)	(10.133.591.570)
Cộng	27.198.679.900	27.198.679.900	9.781.432.108	2.024.999.850	30.704.911.388	30.704.911.388

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Nợ thuê tài chính

	Thời kỳ trước			Thời kỳ này		
	Nợ thuê tài chính còn phải trả tại ngày 01/01/2016	Lãi thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính còn phải trả tại ngày 30/6/2016	Lãi thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính đã trả trong kỳ
- Từ 1 năm trở xuống	6.105.769.176			6.387.631.080		
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.830.377.899	519.800.041	3.078.993.500	1.594.773.393	306.505.331	3.182.380.980
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(6.105.769.176)			(6.387.631.080)		
Cộng	4.830.377.899	519.800.041	3.078.993.500	1.594.773.393	306.505.331	3.182.380.980
Cộng vay và nợ dài hạn (b)	32.029.057.799			32.299.684.781		

(a) Ngắn hạn:

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo hợp đồng số 15.26500103/2015-HĐTDHM/NHCT900-SMC ngày 28/8/2015 với tổng hạn mức là 800 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 03 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2016: đối với VND: 5%/năm và đối với USD là từ 2,2% đến 2,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM; Bất động sản của bên thứ 3. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2016 là **841.640.216.179 đồng**, bao gồm: 477.346.546.175 đồng và 16,303,140.30 USD tương đương 364.293.670.004 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013, các phụ lục sửa đổi bổ sung và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0104/KH/13NH ngày 28/7/2015 với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2016: đối với VND là 5%/năm và đối với USD 2,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2016 là **292.863.513.930 đồng**, bao gồm: 290.438.113.445 đồng và 108,543.32 USD tương đương 2.425.400.485 đồng

- Các khoản vay **cá nhân** có thời hạn vay 01 năm, lãi suất huy động 7,2%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

(b) Dài hạn:

- Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/HĐTD01 ngày 05/4/2013 với tổng hạn mức là 3,645,000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 30/6/2016: 3,4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2016 là **396,000.00 USD** tương đương 8.848.620.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 144,000.00 USD tương đương 3.217.680.000 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng VID Public Chi nhánh TP.HCM** theo hợp đồng tín dụng số HCM/LC/FL/15/074 ngày 21/7/2015; HCM/LC/FL/15/089 ngày 09/9/2015 và HCM/000048/16 ngày 01/3/2016 với tổng hạn mức là 1,496,705.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất ống thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 30/6/2016: 2,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2016 là **1,431,634.95 USD** tương đương 31.989.882.958 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 309,506.00 USD tương đương 6.915.911.570 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	30/6/2016	
	USD	Trương đương VND
+ Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	191,518.21	4.279.474.420
+ Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	165,716.27	3.702.930.053
	357,234.48	7.982.404.473
+ Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(285.864,00)	(6.387.631.080)
Cộng	71.370,48	1.594.773.393

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn Cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	90.377.888.372	-	-	90.377.888.372
LNST chưa phân phối	(2.108.331.067)	17.524.463.737	1.332.745.766	14.083.386.904
Cộng	536.842.444.665	17.524.463.737	1.332.745.766	553.034.162.636

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn Cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	90.377.888.372	-	-	90.377.888.372
LNST chưa phân phối	14.083.386.904	20.684.033.667	1.508.901	34.765.911.669
Cộng	553.034.162.636	20.684.033.667	1.508.901	573.716.687.401

b) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu	30/6/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

c) Tính đến 30/6/2016, Công ty đã mua lại 6.718 Cổ phần với giá mua 21.210 đồng/Cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	30/6/2016	01/01/2016
- Ngoại tệ các loại: - USD	204,291.63	433,260.66
- Nợ khó đòi đã xử lý	187.223.826	187.223.826

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Thời kỳ này)	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 (Thời kỳ trước)
1. Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng hoá	2.926.352.927.935	3.699.524.145.208
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.528.593.669	8.598.472.739
Doanh thu thi công công trình	31.177.841.727	-
Cộng doanh thu	2.966.059.363.331	3.708.122.617.947
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán	-	(507.120.239)
Cộng	2.966.059.363.331	3.707.615.497.708
2. Giá vốn hàng bán	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.866.816.509.954	3.630.916.613.535
Giá vốn bất động sản đã bán	28.132.045.761	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.372.519.253	(1.142.536.546)
Cộng	2.905.321.074.968	3.629.774.076.989
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.709.884.468	19.508.343.775
Lãi ký quỹ, lãi cho vay	74.355.417	1.756.534.167
Lãi ứng vốn	8.027.244.101	8.103.056.535
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.046.017.903	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.525.694.052	7.871.110.152
Doanh thu tài chính khác	89.602.039	-
Cộng	48.472.797.980	37.239.044.629
4. Chi phí tài chính	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	25.135.701.032	33.849.621.441
Chi phí vốn tăng thêm phát sinh từ vay bằng VND tham chiếu lãi suất USD	(349.508.522)	3.531.867.664
Chi phí lãi hỗ trợ vốn nhận từ Công ty con	2.445.151.565	1.092.602.037
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	4.395.213.086	89.959.728.876
Lỗ bán chứng khoán	1.483.691.575	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	7.299.570.940
Cộng	33.110.248.736	135.733.390.958

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	3.002.250.947	3.501.606.903
Chi phí khấu hao TSCĐ	302.753.821	302.753.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.898.976.451	27.693.260.612
- Chi phí vận chuyển	29.866.623.114	26.629.548.564
- Chi phí khác	32.353.337	1.063.712.048
Chi phí khác bằng tiền	3.538.119.305	6.988.404.803
- Chi phí hoa hồng bán hàng	1.905.791.530	5.813.477.531
- Phí thuê kho, công tác phí, ...	1.632.327.775	1.174.927.272
Cộng	36.742.100.524	38.486.026.139
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	5.795.657.405	4.097.592.276
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	18.674.364	117.656.823
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.115.184.523	2.304.165.338
Thuế, phí và lệ phí	4.197.904	-
Chi phí dự phòng	4.303.400.512	10.992.905.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.965.860.765	5.361.467.024
- Phí ngân hàng	502.781.805	652.444.590
- Phí thanh toán LC	1.487.012.001	2.713.492.743
- Chi phí khác	2.976.066.959	1.995.529.691
Chi phí khác bằng tiền	1.543.561.866	1.386.937.363
- Công tác phí	204.216.965	322.520.387
- Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng	267.316.931	136.829.992
- Chi phí văn phòng phẩm, xăng xe, ...	1.072.027.970	927.586.984
Cộng	18.746.537.339	24.260.724.767
7. Thu nhập khác		
Thu nhập do đánh giá lại tài sản đi góp vốn	-	15.905.982.217
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuê tài chính	3.112.500.000	3.112.500.000
Thu từ nhận bồi thường	1.134.019.779	384.888.955
Thu nhập khác	15.299.894	76.300.393
Cộng	4.261.819.673	19.479.671.565
8. Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản thuê tài chính sử dụng cho thuê	2.432.212.682	2.432.212.682
Chi phí phạt	26.004.268	1.400.000
Chi phí khác	147.781.148	174.498.383
Cộng	2.605.998.098	2.608.111.065

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.268.021.319	(66.528.116.016)
Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí kế toán)	111.610.995	12.322.550.469
Các khoản điều chỉnh tăng chi phí dự phòng (hoàn nhập chi phí dự phòng đã loại trừ khi tính thuế các năm trước)	4.274.227.873	-
Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(14.525.694.052)	(7.871.110.152)
Thu nhập tính thuế ước tính	12.194.166.134	(62.076.675.699)
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.438.833.227	
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Hoàn nhập (chi phí) dự phòng phải thu khó đòi	(860.680.102)	(2.418.439.307)
- Hoàn nhập (chi phí) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	5.834.528	(186.494.629)
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	(13.656.868.654)
Cộng	(854.845.575)	(16.261.802.591)
11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	18.674.364	117.656.823
Chi phí nhân công	8.797.908.352	7.599.199.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.850.151.026	5.039.131.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.864.837.216	33.054.727.636
Chi phí khác bằng tiền	5.085.879.075	8.375.342.166
Cộng	53.617.450.033	54.186.057.645

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Theo Quyết định ĐHCĐ thường niên năm 2016 của Công ty số 110/NQ-ĐHCĐ ngày 23/4/2016, Công ty đang có kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành tăng vốn riêng lẻ cho các nhà đầu tư.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	31.869.069.506
		Cung cấp dịch vụ	3.000.000
		Thu lãi ứng vốn	270.199.908
		Trả lãi ứng vốn	(315.475.597)
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hoá	232.781.024.568
		Mua hàng hoá	(19.186.765.360)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	241.000.307.704
		Lãi ứng vốn	6.317.013.729
		Mua hàng hoá	(45.561.761.246)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(805.085.418)
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	196.089.195.236
		Cung cấp dịch vụ	354.693.603
		Lãi ứng vốn	348.693.603
		Nhận cung cấp dịch vụ	(74.544.096)
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hoá	(59.848.546.663)
		Bán hàng hoá	36.253.675.184
		Cho thuê tài chính	3.112.500.000
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Mua hàng hoá	(3.078.667.200)
		Bán hàng hoá	26.608.860.703
		Cung cấp dịch vụ	1.736.470.590
Công ty TNHH LD Ống Thép SENDO	Công ty con	Mua hàng hoá	(98.343.430.178)
		Bán hàng hoá	54.760.854.197
		Cung cấp dịch vụ	104.544.000
		Mua hàng hoá	(6.297.492.168)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Nhập cung cấp	(128.570.308)
		Bán hàng hoá	64.783.869.324
		Cung cấp dịch vụ	6.243.442.595
Công ty TNHH MTV SMC TOAMI	Cùng tập đoàn	Bán hàng hoá	29.972.868.052
		Cung cấp dịch vụ	205.248.000
Ban Điều hành		Thu nhập	1.218.722.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	94.045.152.584
		Phải thu khác	172.615.050.818
Công ty TNHH MTV Kinh doanh thép SMC	Công ty con	Phải trả khác	(18.401.731.647)
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Phải trả khác	(36.973.984.118)
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Phải trả khác	(10.752.639.776)
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Phải trả người bán	(1.549.252.866)
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Phải thu	1.882.494.222
		Phải trả người bán	(3.386.533.920)
Công ty TNHH LD Ống Thép SENDO	Công ty con	Phải thu	56.319.985.707
		Phải thu khác	249.975.957
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	5.190.892.850
		Phải trả người bán	(4.298.235.970)
Công ty TNHH SMC TOAMI	Công ty liên doanh	Phải thu	5.751.207.198

3. Cam kết khác

- Công ty cam kết cho thuê 01 dây chuyền máy cắt thép lá và 01 dây chuyền xả băng thép lá đến Công ty Cổ phần SMC Hà Nội (công ty con) theo hợp đồng thuê mua tài sản máy móc thiết bị số 434/SMC-2012; 435/SMC-2012 ngày 05/11/2012 và các phụ lục:

+ Thời gian thuê: từ ngày 01/11/2012 đến 31/12/2020. Công ty Cổ phần SMC Hà Nội sẽ được toàn quyền sở hữu tài sản tại thời điểm hoàn tất thanh toán toàn bộ giá trị tài sản thuê mua theo hợp đồng.

+ Tiền thuê mua: 6.225.000.000 đồng / năm (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại tại ngày 01/01 mỗi năm và điều chỉnh (nếu có) bằng phụ lục hợp đồng với mức tăng/giảm tối đa +/-10% tiền thuê mua.

+ Thanh toán tiền thuê: ân hạn 02 tháng kể từ ngày 01/11/2012 và thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

- Tại ngày 30/6/2016, Công ty đã bảo lãnh cho các khoản gốc vay phải trả của Công ty Cổ phần SMC Hà Nội và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC (các công ty con của Công ty) với các Ngân hàng.

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b. Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:	USD	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
- Tiền gửi ngân hàng	204,291.63	4.550.602.739
- Phải thu khách hàng	5,152,806.10	114.745.278.981
- Ký quỹ	177,298.40	3.949.321.860
Cộng	5,534,396.13	123.245.203.580
Nợ tài chính		
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn	18,596,553.05	415.539.977.920
- Phải trả người bán	9,445,701.14	211.064.191.972
Cộng	28,042,254.19	626.604.169.892
Mức rủi ro tiền tệ	(22,507,858.06)	(503.358.966.312)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính này sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (25.167.948.316) đồng Việt Nam do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	30/6/2016	Biến động lãi suất 2%	(*)
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	752.645.087.188	15.052.901.744	
- Ký quỹ	6.069.716.520	121.394.330	
Cộng	758.714.803.708	15.174.296.074	
Nợ phải trả có lãi suất			
- Các khoản vay	1.187.029.637.540	23.740.592.751	
Cộng	1.187.029.637.540	23.740.592.751	
Chênh lệch		(8.566.296.677)	

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (8.566.296.677) đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30/6/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.154.729.952.759	32.299.684.781	1.187.029.637.540
- Phải trả người bán	486.100.088.301	-	486.100.088.301
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.628.001.944	-	2.628.001.944
- Phải trả người lao động	930.000.000	-	930.000.000
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	74.441.013.928	-	74.441.013.928
Cộng	1.718.829.056.932	32.299.684.781	1.751.128.741.713

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng (thuyết minh tại mục số 5 và 17 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
					Đơn vị tính: 1.000 đồng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	4.305.831	-	(2.264.733)	2.041.097	(2.264.733)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn UPCOM	1.830.000	-	(1.720.000)	110.000	(1.720.000)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	1.778.392	-	(276.226)	1.502.165	(276.226)
Tiền gửi có kỳ hạn	737.300.000	-	-	737.300.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	28.099.960	-	(16.939.960)	11.160.000	(16.939.960)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn UPCOM	23.279.199	-	(11.413.484)	11.865.715	(11.413.484)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	549.783.978	-	(125.842.282)	423.941.696	(125.842.282)
Cộng	1.346.377.359	-	(158.456.686)	1.187.920.674	(158.456.686)

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 775.553.529.105 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ

Tổng gộp	31.263.981.840
Trừ dự phòng giảm giá trị	(28.747.407.780)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	2.516.574.060

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá trị


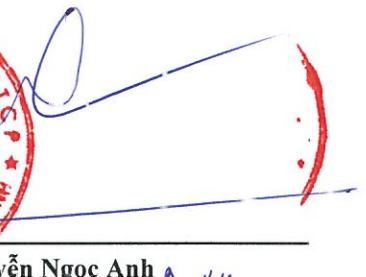
Số dư đầu năm (01/01/2016)	(24.444.007.267)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(5.741.709.230)
Giảm (do thu hồi)	<u>1.438.308.717</u>
Số dư cuối kỳ (30/6/2016)	<u>(28.747.407.780)</u>



Nguyễn Thanh Hào
Người lập biểu



Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

